

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI
NGÂN SÁCH QUÍ 3 NĂM 2022

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	574	574	-	555
1.1	Lệ phí	-	-	-	
1.2	Phí	574	574	-	555
	Học phí	547	547	-	532
	Tin học	1	1	-	1
	Dạy học buổi 02	12	12	-	11
	Anh văn bản xứ	7	7	-	6
	Stem	7	7	-	5
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	574	574	7	555
2.1	Chi sự nghiệp	574	574	7	555
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	574	574	7	555
	Học phí	547	547	-	532
	Tin học	1	1	-	1
	Dạy học buổi 02	12	12	-	11
	Anh văn bản xứ	7	7	7	6
	Stem	7	7	-	5

b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-		
3.1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí A	-	-		
	Lệ phí B	-	-		
3.2	Phí				
II	Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước	8.409	8.409	8.409	8.409
1	Thu NSNN	11.038	11.038	11.038	11.038
2	Chi quản lý hành chính	2.629	2.629	2.629	2.629
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.629	2.629	2.629	2.629
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
3	Nghiên cứu khoa học	-	-		
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		

4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
6	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
7	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
9	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		



9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
10	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
12	Chi Chương trình mục tiêu	-	-		
12.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	-	-		
12.2	Chi Chương trình mục tiêu	-	-		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 05 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Lập Lưu